CỤC KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN
TRUNG TÂM DỰ BÁO
KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN QUỐC GIA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: KH1T-33/12h00/DBQG-DBKH

Hà Nội, ngày 21 tháng 11 năm 2026

BẢN TIN DỰ BÁO KHÍ HẬU THỜI HẠN THÁNG TRÊN PHẠM VI TOÀN QUỐC

(Thời kỳ từ 21/11-20/12/2026)

1. Phân tích, đánh giá thời tiết, khí hậu nổi bật thời kỳ 21/10-20/11/2026

+ *Dông, lốc, sét:* Trên phạm vi toàn quốc đã xảy ra một số trận dông, lốc, sét *(Bảng 1-Phụ lục).*

+ *Mưa diện rộng*: Từ ngày 21/10-20/11/2026, tại khu vực Bắc Bộ đã xuất hiện 04 đợt mưa diện rộng: Đợt mưa từ ngày 02-03/11, 06-10/11, 12-13/11 và 18-20/11. Trong đó đáng lưu ý đợt mưa từ ngày 06-10/11, tổng lượng mưa (TLM) phổ biến 50-100mm, nhiều nơi có mưa rất to với TLM cao hơn 150mm như Ninh Bình 219mm, Nam Định (Ninh Bình) 202mm, Nho Quan (Ninh Bình) 198mm, Cúc Phương (Ninh Bình) 190mm, Hòa Bình (Phú Thọ) 166mm, Chi Nê (Phú Thọ) 168mm.

Tại khu vực Trung Bộ xảy ra 03 đợt mưa diện rộng: Từ ngày 26-31/10, 06-13/11 và 19-20/11. Trong đó, đáng lưu ý đợt mưa từ 06-13/11, TLM tại khu vực từ Nam Hà Tĩnh-Tp. Huế và Duyên hải Nam Trung Bộ phổ biến từ 150-250mm, có nơi trên 600mm như A Lưới (Tp. Huế) 687mm, Nam Đông (Tp. Huế) 632mm, Trà My (Tp. Đà Nẵng) 969mm.

Khu vực Cao nguyên Trung Bộ và Nam Bộ xuất hiện nhiều ngày mưa rào và dông, trong đó có ngày xuất hiện mưa vừa, mưa to trên diện rộng.

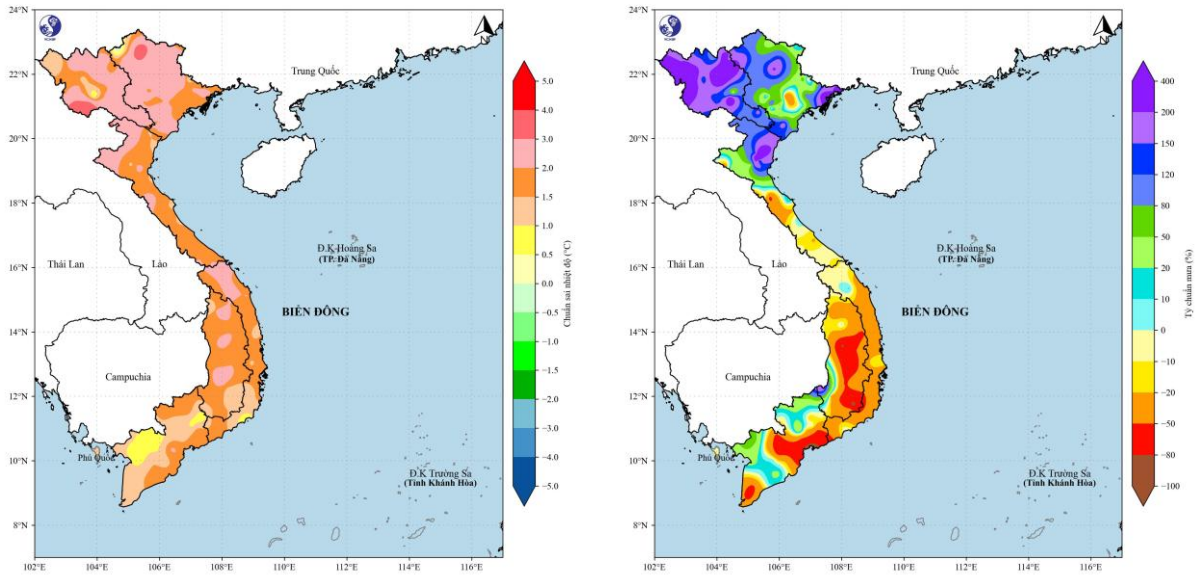
Từ ngày 21/10-20/11/2026, một số trạm khí tượng đã quan trắc được giá trị lượng mưa ngày và nhiệt độ cao nhất tuyệt đối ngày vượt giá trị lịch sử (GTLS) cùng thời kỳ *(Bảng 2-Phụ lục)*.

- *Nắng nóng (NN):* Xảy ra cục bộ từ đầu tháng đến nay tại Nam Bộ, trong đó 01 đợt NN diện rộng tại miền Đông Nam Bộ từ 18-20/11. Đây là đợt nắng nóng diện rộng lần đầu tiên xuất hiện trong tháng 11 tại khu vực này được ghi nhận trong chuỗi số liệu quan trắc được trong 35 năm qua.

Thời kỳ qua, nhiều trạm khí tượng đã quan trắc được giá trị nhiệt độ cao nhất ngày đạt và vượt giá trị lịch sử (GTLS) cùng thời kỳ (*Bảng 3-Phụ lục*).

+ *Không khí lạnh (KKL):* Trong thời kỳ 21/10-20/11/2026, xảy ra 02 đợt KKL đêm 08/11 và ngày 18/11. Đáng chú ý, đợt KKL đêm 08/11 gây mưa rào

và dông, cục bộ có nơi mưa to ở Bắc Bộ; khu vực từ Thanh Hóa đến Tp. Đà Nẵng, phía Đông Quảng Ngãi đến Đắk Lắk và Khánh Hòa có mưa to và dông, cục bộ có nơi mưa rất to; tại trạm Bạch Long Vỹ đã có gió Đông Bắc mạnh cấp 8, giật cấp 10; trạm Cồn Cỏ có gió Đông Bắc mạnh cấp 8, giật cấp 9; trạm Lý Sơn có gió Đông Bắc mạnh cấp 7, giật cấp 8; trạm Phú Quý có gió giật cấp 7; trạm Huyền Trân có gió Đông Bắc đến Đông cấp 6, giật cấp 8; Ngoài ra, rét diện rộng xảy ra trên toàn Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ, vùng núi có nơi rét đậm, rét hại; nhiệt độ thấp nhất ngày tại một số nơi giảm xuống dưới 10,0^{0}C, như Sa Pa (Lào Cai) 6,2^{0}C, Đồng Văn (Tuyên Quang) 9,1^{0}C, Mẫu Sơn (Lạng Sơn) 4,9^{0}C.



(a) (b)

Hình 1: (a) Chuẩn sai nhiệt độ trung bình (^{0}C) và (b) Tỷ chuẩn lượng mưa (%) từ ngày 21/10-20/11/2026

+ ***Nhiệt độ trung bình (NĐTB):*** Từ ngày 21/10-20/11/2026, NĐTB trên cả nước phổ biến cao hơn 1,5-3,0^{0}C so với TBNN cùng thời kỳ, có nơi cao hơn ở Bắc Bộ. Riêng khu vực Nam Bộ phổ biến cao hơn từ 1,0-1,5^{0}C. *(Hình 1a)*.

+ ***Lượng mưa*:** Từ ngày 21/10-20/11/2026, khu vực Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ cao hơn 100-200%, riêng khu vực phía Đông Bắc và Đồng bằng Bắc Bộ cao hơn 30-80%; các khu vực khác phổ biến xấp xỉ và thấp hơn từ 20-40%, nhiều nơi thấp hơn 50-70% so với TBNN tại Cao nguyên Trung Bộ và Nam bộ. *(Hình 1b)*.

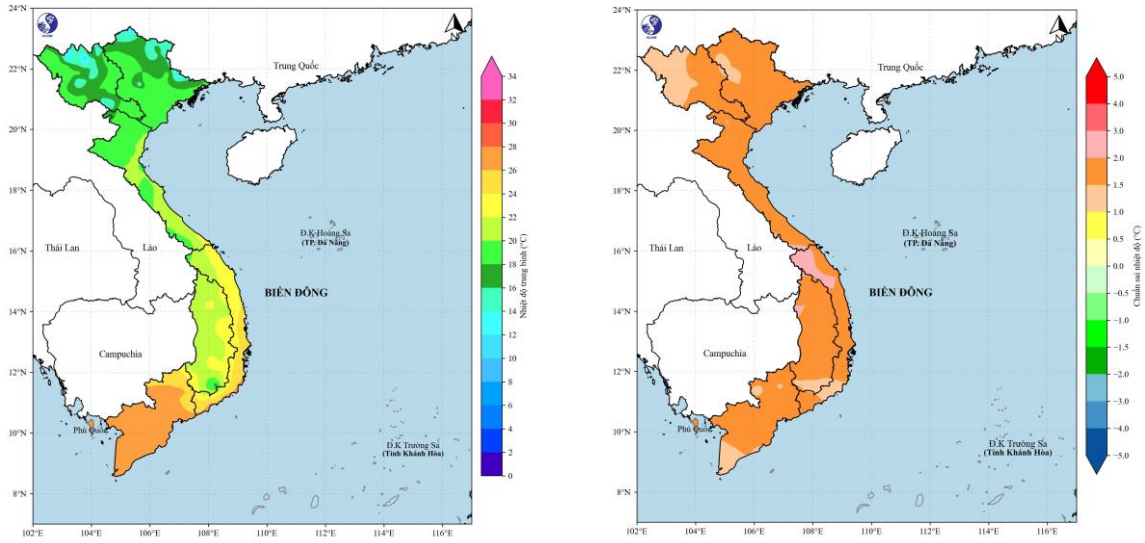
2. Dự báo xu thế khí hậu từ ngày 21/11-20/12/2026

2.1. Dự báo xu thế NĐTB

Trong thời kỳ dự báo, NĐTB trên toàn quốc phổ biến cao hơn so với TBNN từ 1,0-2,0^{0}C *(Hình 2b)*.

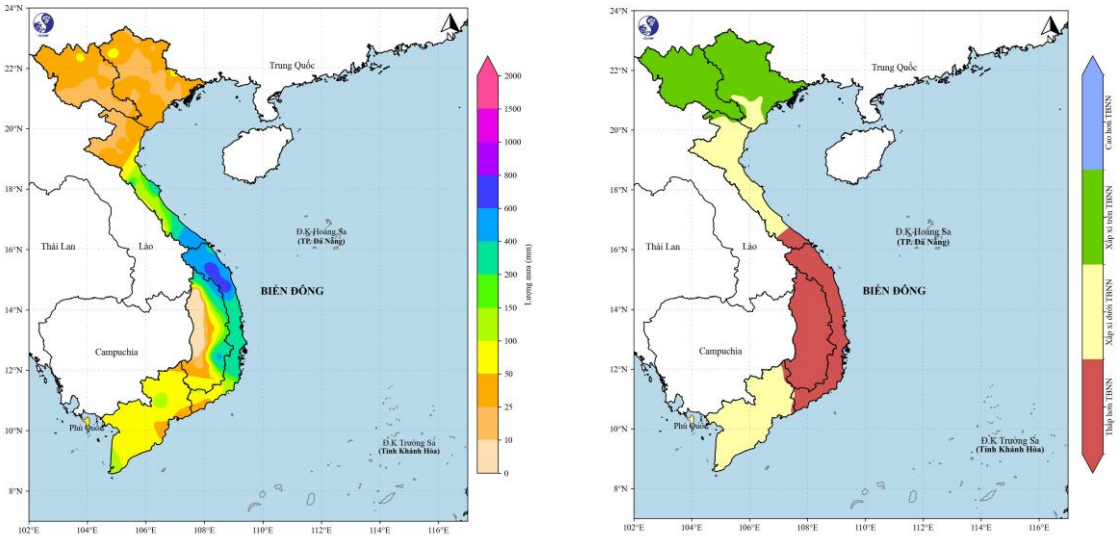
2.2. Dự báo xu thế lượng mưa

Trong thời kỳ từ ngày 21/11-20/12/2026, TLM tại khu vực trung du và vùng núi phía Bắc phổ biến cao hơn từ 10-25% (cao hơn tương ứng khoảng từ 5-15mm) so với TBNN cùng thời kỳ, khu vực Đồng bằng Bắc Bộ phổ biến xấp xỉ so với TBNN, các khu vực còn lại phổ biến thấp hơn từ 10-40% (thấp hơn tương ứng khoảng từ 15-30mm, riêng từ Tp. Huế-Tp. Đà Nẵng và phía Đông các tỉnh từ Quảng Ngãi-Gia Lai thấp hơn tương ứng khoảng từ 80-200mm) so với TBNN *(Hình 3b)*.



(a) *(b)*

Hình 2: (a) Nhiệt độ trung bình (^{0}C) TBNN từ 21/11-20/12;
(b) Dự báo chuẩn sai nhiệt độ trung bình (^{0}C) từ 21/11-20/12/2026



(a) *(b)*

Hình 3: (a) Tổng lượng mưa (mm) TBNN từ 21/11-20/12; (b) Dự báo xu thế lượng mưa từ 21/11-20/12/2026

2.3. Cảnh báo thời tiết nguy hiểm

+ *Bão/ATNĐ:* Trong thời kỳ từ ngày 21/11-20/12/2026, bão/ATNĐ hoạt

động trên khu vực Biển Đông thấp hơn TBNN và ít có khả năng ảnh hưởng đến khu vực đất liền Việt Nam (TBNN: Bão/ATNĐ trên khu vực Biển Đông là 1,2 cơn, trong đó đổ bộ vào đất liền Việt Nam là 0,4 cơn).

+ *Mưa vừa, mưa to:* Trong thời kỳ dự báo, mưa diện rộng vẫn có khả năng xuất hiện tại khu vực Bắc Bộ và Trung Bộ; trong đó mưa vừa, mưa to tập trung chính tại khu vực Trung Bộ.

+ *Không khí lạnh:* Các đợt KKL ảnh hưởng đến Bắc Bộ và Trung Bộ có khả năng hoạt động mạnh trong 10 ngày cuối tháng 11; sau đó sang tháng 12, KKL có xu hướng hoạt động yếu hơn so với TBNN cùng thời kỳ.

+ Hiện tượng thời tiết nguy hiểm như dông, lốc, sét, mưa đá và gió giật mạnh có khả năng tiếp tục xuất hiện trên phạm vi cả nước.

2.4. Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế-xã hội

Trên đất liền, hoạt động của KKL kết hợp với hội tụ gió ở các tầng khí quyển trên cao, rãnh gió Tây trên mực 5000m, nhiễu động gió Đông và rãnh thấp xích đạo ở phía Nam có thể gây ra các đợt mưa diện rộng; nguy cơ xảy ra các hiện tượng thời tiết nguy hiểm như lốc, sét, mưa đá và gió giật mạnh. Trên biển, cần đề phòng gió mạnh do ảnh hưởng của KKL hoặc mưa dông cục bộ gây nguy hiểm cho hoạt động của tàu thuyền.

Trong bối cảnh biến đổi khí hậu, thời tiết, khí hậu ngày càng diễn biến phức tạp với nhiều hình thái nguy hiểm, cực đoan. Do đó, đề nghị các cấp chính quyền và người dân thường xuyên cập nhật và tích hợp thông tin dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn trong các bản tin ngắn hạn 1-3 ngày, để kịp thời điều chỉnh các kế hoạch sản xuất, phương án ứng phó phù hợp đảm bảo an toàn cho các hoạt động sản xuất và dân sinh.

3. Dự báo nhiệt độ trung bình, tổng lượng mưa từ ngày 21/11-20/12/2026

Địa điểm dự báo (Các trạm khí tượng đặc trưng-Tỉnh/Tp-Đài KTTV Khu vực)	Thời kỳ 20-30/11		Thời kỳ 01-10/12		Thời kỳ 11-20/12		Cả thời kỳ	
	Ttb (°C)	TLM (mm)	Ttb (°C)	TLM (mm)	Ttb (°C)	TLM (mm)	Ttb (°C)	TLM (mm)
Sơn La-Sơn La (Đài KTTV Bắc Bộ)	18,0-19,0	15-30	18,0-19,0	5-15	17,0-18,0	<10	17,5-18,5	30-60
Lào Cai-Lào Cai (Đài KTTV Bắc Bộ)	20,5-21,5	15-30	20,0-21,0	10-20	19,0-20,0	10-20	20,0-21,0	40-80
Lạng Sơn-Lạng Sơn (Đài KTTV Bắc Bộ)	18,0-19,0	10-20	17,0-18,0	10-20	17,0-18,0	10-20	17,5-18,5	30-60
Việt Trì-Phú Thọ (Đài KTTV Bắc Bộ)	21,0-22,0	10-20	21,0-22,0	10-20	20,0-21,0	<10	20,5-21,5	20-50

Địa điểm dự báo (Các trạm khí tượng đặc trưng-Tỉnh/Tp-Đài KTTV Khu vực)	Thời kỳ 20-30/11		Thời kỳ 01-10/12		Thời kỳ 11-20/12		Cả thời kỳ	
	Ttb (°C)	TLM (mm)	Ttb (°C)	TLM (mm)	Ttb (°C)	TLM (mm)	Ttb (°C)	TLM (mm)
Hải Phòng-Tp. Hải Phòng (Đài KTTV Bắc Bộ)	21,0-22,0	15-30	21,0-22,0	10-20	20,0-21,0	<10	20,5-21,5	30-60
Hà Đông-Tp. Hà Nội (Đài KTTV Bắc Bộ)	21,0-22,0	10-20	21,0-22,0	10-20	20,0-21,0	<10	20,5-21,5	25-55
Vinh-Nghệ An (Đài KTTV Trung Bộ)	21,5-22,5	15-30	21,5-22,5	30-60	21,0-22,0	30-60	21,5-22,5	80-150
Huế-Tp. Huế (Đài KTTV Trung Bộ)	23,0-24,0	120-220	24,0-25,0	170-220	22,5-23,5	130-220	22,5-23,5	430-660
Kon Tum–Quảng Ngãi (Đài KTTV Trung Bộ)	23,0-24,0	<10	23,5-24,5	<5	23,5-24,5	<5	23,0-24,0	<20
Quy Nhơn-Gia Lai (Đài KTTV Trung Bộ)	26,0-27,0	80-130	26,0-27,0	80-130	25,0-26,0	80-130	25,5-26,5	240-390
Nha Trang- Khánh Hòa (Đài KTTV Trung Bộ)	26,0-27,0	80-130	26,0-27,0	60-120	26,0-27,0	60-120	26,0-27,0	200-350
Buôn Ma Thuột-Đắk Lắk (Đài KTTV Trung Bộ)	23,0-24,0	5-15	23,0-24,0	<10	23,0-24,0	<10	23,0-24,0	15-40
Nhà Bè-Tp. Hồ Chí Minh (Đài KTTV Nam Bộ)	28,0-29,0	20-40	28,0-29,0	10-20	27,5-28,5	5-15	28,0-29,0	40-70
Cần Thơ-Tp. Cần Thơ (Đài KTTV Nam Bộ)	27,5-28,5	20-40	27,5-28,5	15-30	27,0-28,0	10-20	27,5-28,5	50-90

Ghi chú:
- Ttb: Giá trị nhiệt độ trung bình (đơn vị: độ C);
- R: Giá trị tổng lượng mưa (đơn vị: milimét);
- Chuẩn sai: Giá trị chênh lệch của nhiệt độ/lượng mưa so với TBNN (đơn vị: độ C/milimét);
- Tỷ chuẩn: Giá trị chênh lệch tương đối của lượng mưa so với TBNN (đơn vị: %),
- Các khu vực dự báo được điều chỉnh theo địa danh hành chính mới (Bảng 4- Phụ lục)

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: Trước 12h00 ngày 01/12/2026

Tin phát lúc: 12h00 ngày 21/11/2026./.

Soát tin: Trần Ngọc Vân

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Đức Hòa

Phụ lục

Bảng 1: Các hiện tượng thời tiết ở quy mô nhỏ trong từ ngày 21/10-20/11/2026

Hiện tượng	Khu vực	Thời gian
Mưa lớn kèm dông lốc	Lào Cai, Cao Bằng, Đồng Tháp	07/11/2026
Dông	An Giang	13/11/2026
Mưa dông	xã Nà Tấu, tỉnh Điện Biên	19/11/2026

Bảng 2: Lượng mưa ngày từ ngày 21/10-20/11/2026 đạt và vượt GTLS

STT	Trạm khí tượng (tỉnh/TP)	GTLS lượng mưa cao nhất ngày trong tháng 10	Ngày xuất hiện GTLS	Lượng mưa cao nhất ngày đạt và vượt GTLS	Ngày xuất hiện
1	Đắk Mil (Lâm Đồng)	113,1	04/10/1993	158,5	21/10/2026
STT	**Trạm khí tượng (tỉnh/TP)**	**GTLS lượng mưa cao nhất ngày trong tháng 11**	**Ngày xuất hiện GTLS**	**Lượng mưa cao nhất ngày đạt và vượt GTLS**	**Ngày xuất hiện**
1	Bắc Hà (Lào Cai)	86,3	16/11/1981	93,0	07/11/2026
2	Hoàng Su Phì (Tuyên Quang)	83,6	06/11/1963	94,4	07/11/2026
3	Chợ Rã (Thái Nguyên)	71,8	10/11/1978	74,1	07/11/2026
4	Nguyên Bình (Cao Bằng)	94,5	07/11/2023	107,8	07/11/2026
5	Phố Ràng (Lào Cai)	65,8	03/11/2008	88,5	09/11/2026
6	Cúc Phương (Ninh Bình)	91,4	22/11/2018	128,5	09/11/2026
7	Như Xuân (Thanh Hóa)	236,6	04/11/1996	425,5	09/11/2026
8	Hoành Sơn (Hà Tĩnh)	188,4	06/11/2015	234,2	10/11/2026

Bảng 3: Nhiệt độ cao nhất tuyệt đối ngày từ ngày 21/10-20/11/2026 đạt và vượt GTLS

STT	Trạm khí tượng (tỉnh/TP)	GTLS nhiệt độ cao nhất ngày trong tháng 10	Ngày xuất hiện GTLS	Nhiệt độ cao nhất ngày đạt và vượt GTLS	Ngày xuất hiện
1	Mường Lay (Điện Biên)	36,4	02/10/2026; 11/10/1998	36,4	21/10/2026
2	Bắc Cạn (Thái Nguyên)	35,2	05/10/2025	35,2	21/10/2026

3	Yên Châu (Sơn La)	38,3	03/10/2026	38,3	24/10/2026
4	Than Uyên (Lai Châu)	35,4	03/10/2026	35,4	25/10/2026
5	Buôn Hồ (Đắk Lắk)	30,7	05/10/2026	31,2	25/10/2026
6	Buôn Ma Thuột (Đắk Lắk)	33,2	04/10/2026	33,2	25/10/2026
7	Càng Long (Vĩnh Long)	34,6	08/10/2023	34,8	29/10/2026
8	Sóc Trăng (Tp. Cần Thơ)	34,5	15/10/2026; 07/10/2026	34,5	29/10/2026
STT	**Trạm khí tượng (tỉnh/TP)**	**GTLS nhiệt độ cao nhất ngày trong tháng 11**	**Ngày xuất hiện GTLS**	**Nhiệt độ cao nhất ngày đạt và vượt GTLS**	**Ngày xuất hiện**
1	Tam Đường (Lai Châu)	29,7	01/11/2024	31,8	01/11/2026
2	Than Uyên (Lai Châu)	34,4	11/11/2013	34,4	01/11/2026
3	Mường Lay (Điện Biên)	34,3	05/11/1971	34,8	01/11/2026
4	Tuần Giáo (Điện Biên)	34,0	18/11/2017	34,5	01/11/2026
5	Điện Biên (Điện Biên)	34,0	20/11/2015; 07/11/2005	34,3	01/11/2026
6	Sông Mã (Sơn La)	36,0	10/11/2023	36,6	01/11/2026
7	Cò Nòi (Sơn La)	32,1	10/11/2023	33,8	01/11/2026
8	Bắc Yên (Sơn La)	31,5	10/11/2023	33,2	01/11/2026
9	Mộc Châu (Sơn La)	29,5	12/11/2009	29,5	01/11/2026
10	Mù Cang Chải (Lào Cai)	30,0	10/11/2006	31,0	01/11/2026
11	Bạch Long Vĩ (Tp. Hải Phòng)	31,8	18/11/2006	32,3	01/11/2026
12	Phú Quốc (An Giang)	33,3	28/11/2009	33,3	18/11/2026; 01/11/2026
13	Uông Bí (Tp. Quảng Ninh)	32,8	15/11/2024	33,1	02/11/2026
14	Ninh Bình (Ninh Bình)	33,6	11/11/2009	33,9	02/11/2026
15	Trường Sa (Khánh Hòa)	34,0	16/11/2024	34,3	03/11/2026
16	Yên Châu (Sơn La)	36,2	17/11/2017	37,8	04/11/2026
17	Côn Đảo (Tp. Hồ Chí Minh)	32,2	01/11/2024; 01/11/2023	32,6	04/11/2026
18	Sơn Tây (Tp. Hà Nội)	34,0	17/11/2015; 25/11/1997	34,0	05/11/2026
19	Cô Tô (Tp. Quảng Ninh)	31,8	11/11/2023	31,8	06/11/2026
20	Chí Linh (Tp. Hải Phòng)	34,4	17/11/2015	34,8	06/11/2026
21	Lý Sơn (Quảng Ngãi)	31,5	10/11/2015; 08/11/2015	32,0	07/11/2026
22	Trà Nóc (Tp. Cần Thơ)	33,5	17/11/2019	34,2	07/11/2026
23	Trị An (Tp. Đồng Nai)	35,4	13/11/2023	35,4	08/11/2026
24	Biên Hòa (Tp. Đồng Nai)	35,7	08/11/2021	36,0	18/11/2026; 08/11/2026
25	Bắc Mê (Tuyên Quang)	34,0	28/11/2022	34,2	17/11/2026

26	Hòn Dấu (Tp. Hải Phòng)	33,2	15/11/2024	33,3	17/11/2026
27	Đà Nẵng (Tp. Đà Nẵng)	32,2	11/11/2023	32,4	17/11/2026
28	Quảng Ngãi (Quảng Ngãi)	32,9	12/11/2015	33,3	17/11/2026
29	Cát Tiên (Lâm Đồng)	34,5	05/11/2023	34,5	18/11/2026
30	Mỹ Tho (Đồng Tháp)	34,2	14/11/2023; 27/11/2016; 17/11/2015	34,9	18/11/2026
31	Vĩnh Long (Vĩnh Long)	34,7	06/11/2023	35,1	18/11/2026
32	Càng Long (Vĩnh Long)	34,3	22/11/2024; 17/11/2017; 17/11/2014	34,3	18/11/2026; 20/11/2026
33	Châu Đốc (An Giang)	34,6	06/11/2021	34,8	18/11/2026
34	Cần Thơ (Tp. Cần Thơ)	34,7	13/11/2023	35,4	18/11/2026
35	Rạch Giá (An Giang)	34,0	20/11/2015; 15/11/2015	34,2	18/11/2026
36	Bạc Liêu (Cà Mau)	33,5	07/11/2023	33,6	18/11/2026
37	Đắk Mil (Lâm Đồng)	30,5	22/11/2012	31,0	19/11/2026
38	Long Khánh (Tp. Đồng Nai)	34,7	13/11/2023	35,2	19/11/2026
39	Nhà Bè (Tp. Hồ Chí Minh)	34,9	19/11/2015	35,6	19/11/2026

Bảng 4: Các khu vực dự báo theo địa danh hành chính mới

STT	Khu vực	Gồm các tỉnh
1	Khu vực Tây Bắc Bộ	Lai Châu, Điện Biên, Sơn La, Lào Cai, khu vực phía Nam của tỉnh Phú Thọ (tỉnh Hòa Bình cũ)
2	Khu vực Đông Bắc Bộ	Tuyên Quang, Cao Bằng, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Tp. Quảng Ninh, Tp. Hải Phòng, Tp. Bắc Ninh, Hưng Yên, Ninh Bình, Tp. Hà Nội; khu vực phía Bắc của tỉnh Phú Thọ (tỉnh Vĩnh Phúc và Phú Thọ cũ)
3	Khu vực Thanh Hóa-Huế	Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Trị, Tp. Huế
4	Khu vực Duyên hải Nam Trung Bộ	Tp. Đà Nẵng, Khánh Hòa và ven biển các tỉnh Quảng Ngãi, Gia Lai, Đắk Lắk, Lâm Đồng
5	Khu vực Cao nguyên Trung Bộ	Phía Tây các tỉnh Quảng Ngãi, Gia Lai, Đắk Lắk, Lâm Đồng
6	Khu vực Nam Bộ	Tp. Đồng Nai, Tp. Hồ Chí Minh, Tây Ninh, Đồng Tháp, Vĩnh Long, Tp. Cần Thơ, An Giang, Cà Mau